| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ QUY NHƠN,**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 55/2023/ KDTM-ST
Ngày 14-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng bảo lãnh.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Trần Duyên Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sỹ.

2. Ông Hồ Đắc Toàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Quang Trí là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Cho thuê tài chính C, trụ sở tại: Cao ốc S, số nhà X, đường T, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông W là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc). Anh Lưu Tùng L , nơi làm việc: Cao ốc S, số nhà X, đường T, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 411.2023/GUQ-COL ngày 21 tháng 7 năm 2023). Vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Công ty V, trụ sở tại: Số nhà X, đường P, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Anh Trần Văn T là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc). Vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*3.1.* Anh Trần Văn T, nơi cư trú: Thôn L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; nơi làm việc: Số nhà X, đường P, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

*3.2.* Công ty C, trụ sở tại: Số nhà Y, đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty C:* Anh Phạm Văn T là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc). Vắng mặt.

*3.3.* Công ty T, trụ sở tại: Số nhà V, đường P, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty T:* Anh Dương Anh T là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc). Vắng mặt.

*3.4.* Anh Phạm Văn T, nơi cư trú: Số nhà S, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi làm việc: Số nhà Y, đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

*3.5.* Anh Đặng Duy V, nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nơi làm việc: Số nhà Y, đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2021, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính C (sau đây viết tắt là Công ty Ch) là anh Lưu Tùng L trình bày:

Công ty Ch là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, được cấp giấy phép hoạt động ngân hàng và tuân theo quy định từ Điều 112 đến Điều 116 Luật Các tổ chức tín dụng. Do Công ty V có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty Ch tài trợ tài chính nên hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B180816902 ký ngày 23-8-2018 và Hợp đồng cho thuê tài chính số B180816702 vào ngày 08-10-2018. Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty Ch đã ký Hợp đồng mua bán số B180816902-PC ngày 28-8-2018 và Hợp đồng mua bán số B180816702-PC ngày 20-11-2018 để mua các tài sản cho thuê tài chính với tổng giá trị của tài sản thuê là 6.353.772.148 đồng. Cụ thể như sau:

| STT | Hợp đồng thuê | Thời hạn thuê | Tổng giá trị tài sản thuê (VND) | Tiền trả trước (VND) | Giá trị thuê (VND) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B180816702 | 30 tháng | 5.077.772.148 | 2.031.108.859 | 3.046.663.289 |
| 2 | B180816902 | 42 tháng | 1.276.000.000 | 255.200.000 | 1.020.800.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Tổng cộng:** | **6.353.772.148** | **2.286.308.859** | **4.067.463.289** |

Hàng tháng, Công ty V phải thanh toán cho Ch tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty Ch đã tài trợ theo Hợp đồng thuê. Do Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 11-12-2020, Công ty Ch đã phát hành thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty V thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 15-12-2020 là 1.960.772.394 đồng (trong đó: Hợp đồng B180816702 là 1.420.799.103 đồng, Hợp đồng B180816902 là 539.973.291 đồng).

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty Ch đã nhận được các khoản thanh toán của Công ty V như sau:

| **Ngày nhận** | **Số tiền đã nhận (VND) (B180816702)** | **Số tiền đã nhận (VND) (B180816902)** | **Tổng (VND)** |
|---|---|---|---|
| 18-12-2020 | 115.141.791 | 24.304.762 | 139.446.553 |
| 07-4-2021 | 50.000.000 | 0 | 50.000.000 |
| 28-10-2021 | 327.085.714 | 72.914.286 | 400.000.000 |
| 12-4-2022 | 291.704.161 | 72.914.286 | 364.618.447 |
| 28-5-2022 | 231.622.764 | 68.377.236 | 300.000.000 |
| **Tổng cộng** | **1.015.554.430** | **238.510.570** | **1.254.065.000** |

Ngày 26-7-2023 Công ty Ch đã cấn trừ khoản tiền ký cược bảo đảm của Công ty V là 635.377.215 đồng (trong đó Hợp đồng B180816702 là 507.777.215 đồng, Hợp đồng B180816902 là 127.600.000 đồng) vào dư nợ gốc còn lại của Công ty V. Xét tình hình thực tế về khoản nợ còn lại sau khi cấn trừ tất cả các khoản thanh toán của Công ty V, Công ty Ch khởi kiện vụ án ra Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn yêu cầu giải quyết nội dung trên.

Hợp đồng cho thuê tài chính là hợp đồng không hủy ngang theo quy định tại Điều 1 Hợp đồng cho thuê tài chính và điểm a khoản 2 Điều 35 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25-12-2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30-6-2016). Theo lịch trình tại Thông báo bắt đầu thuê ngày 31-8-2018 và ngày 17-12-2018, tổng số tiền thuê mà Công ty V phải thanh toán Công ty Ch theo lịch trình tạm tính theo mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 4.067.463.289 đồng. Trong trường hợp Hợp đồng thuê bị chấm dứt trước thời hạn do lỗi của Bên thuê thì Bên thuê có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Ch toàn bộ số tiền theo

lịch trình thanh toán còn lại. Quy định tại Điều 26.3.1 Hợp đồng cho thuê tài chính nêu rõ: "*Trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê, Bên thuê phải trả ngay cho Bên cho thuê toàn bộ số tiền bằng (i) Giá trị tổn thất và (ii) toàn bộ tiền lãi thuê còn lại phải trả theo lịch trình thanh toán tiền thuê đính kèm TBBĐT được tính với mức lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn từ thời điểm chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn đến thời điểm kết thúc Hợp đồng thuê ("các khoản phải thu".*

*Nếu Bên thuê không thanh toán ngay được cho Bên cho thuê, ngoài các khoản phải thu, Bên thuê phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả là số tiền được tính theo công thức sau:*

*A = B – C*

*Trong đó:*

*A: Tiền lãi chậm trả khi Bên thuê không thanh toán ngay được số tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) còn lại phải trả.*

*B: Tiền lãi thuê trên số tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) còn lại theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn được tính từ ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn cho đến thời điểm trả hết số tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có).*

*C: Là toàn bộ tiền lãi thuê còn lại phải trả theo lịch trình thanh toán tiền thuê đính kèm TBBĐT, được tính với mức lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn như được xác định như bên dưới, tính từ ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn cho đến (i) ngày toàn bộ vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) được thanh toán đầy đủ nếu ngày này xảy ra trước thời điểm kết thúc Hợp đồng thuê hoặc (ii) ngày kết thúc Hợp đồng thuê nếu Bên thuê không thể thanh toán hết số tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) trước thời điểm kết thúc Hợp đồng thuê.*

*Lãi suất thuê tại thời điểm gần nhất trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn quy định tại Điều này là mức lãi suất tại ngày 15 của tháng liền kề trước tháng chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn.*"

Quy định này cũng được thể hiện trong quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07-5-2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính: "*Điều 22. Xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn*

*1. Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 21 Nghị định này, bên thuê phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê còn lại. Nếu bên thuê không thanh toán được tiền thuê thì bên cho thuê xử lý tài sản cho thuê như sau:*

*a) Bên cho thuê có văn bản gửi bên thuê, Ủy ban nhân dân và cơ quan công an nơi bên thuê đặt trụ sở chính, đặt tài sản cho thuê, thông báo về việc thu hồi tài sản cho thuê và yêu cầu các cơ quan này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để giữ gìn an ninh, trật tự trong quá trình thu hồi tài sản cho thuê, bảo đảm bên cho thuê thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với tài sản cho thuê; tiến hành thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê (trừ trường hợp tài sản cho thuê là đối tượng hoặc vật chứng của vụ án hình sự được xử lý theo quy định của pháp luật hình sự); được cho vay bắt buộc đối với bên thuê để xử lý các chi phí nhằm thu hồi tài sản cho thuê khi bên thuê vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính và không tự nguyện bàn giao tài sản;*

*b) Bên thuê phải dừng ngay việc sử dụng và trao trả tài sản cho thuê cho bên cho thuê theo yêu cầu của bên cho thuê, không được có bất kỳ một hành vi cản trở nào đối với việc thu hồi tài sản cho thuê hoặc tiếp tục chiếm giữ, sử dụng tài sản cho thuê; thanh toán toàn bộ số tiền thuê còn lại theo quy định của hợp đồng cho thuê tài chính và các chi phí phát sinh đến việc thu hồi tài sản cho thuê; phải nhận nợ bắt buộc đối với số tiền bên cho thuê cho vay bắt buộc để xử lý các chi phí nhằm thu hồi tài sản cho thuê khi bên thuê vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính và không tự nguyện bàn giao tài sản*".

Điểm a, b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 39 quy định: "*Điều 21. Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn*

*1. Hợp đồng cho thuê tài chính có thể chấm dứt trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:*

*a) Bên thuê không thanh toán tiền thuê hoặc vi phạm một trong các điều khoản, điều kiện khác là căn cứ chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính, được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính;*

*b) Bên thuê bị tuyên bố phá sản, giải thể*".

Ngoài ra, các quy định trên tại Nghị định số 39 được hướng dẫn cụ thể theo quy định tại điểm c khoản 9 điều 35 Thông tư số 30.

Về mức lãi suất thuê dùng làm căn cứ tính lãi sau ngày chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn cụ thể như sau:

| **Số hợp đồng** | **Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC ngày 15-11-2020** | **Biên độ cố định** | **Lãi suất** |
|---|---|---|---|
| B180816702 | 6,03% | 2,13% | 8,16% |
| B180816902 | 6,03% | 2,86% | 8,89% |

Theo quy định tại phần III Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng cho thuê tài chính: "*Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ*

*(trong trường hợp trong cùng một ngân hàng mà có nhiều mức lãi suất niêm yết khác nhau thì mức lãi suất cụ thể trong các mức đó sẽ do bên cho thuê lựa chọn) của ba ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank).”*

Quy định tại Điều 26.3.1 Hợp đồng cho thuê tài chính nêu rõ: “*Trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê, Bên thuê phải trả ngay cho Bên cho thuê toàn bộ số tiền bằng (i) Giá trị tổn thất và (ii) toàn bộ tiền lãi thuê còn lại phải trả theo lịch trình thanh toán tiền thuê đính kèm TBBĐT được tính với mức lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn từ thời điểm chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn đến thời điểm kết thúc Hợp đồng thuê (“các khoản phải thu”).*

...

*Lãi suất thuê tại thời điểm gần nhất trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn quy định tại Điều này là mức lãi suất tại ngày 15 của tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn.*”.

Theo đó, lãi suất trung bình của 03 ngân hàng như nêu tại phần III Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng cho thuê tài chính như sau:

| **Tên ngân hàng** | **Mức lãi suất (01 năm bằng 365 ngày)** | **Mức lãi suất trung bình 03 Ngân hàng (01 năm bằng 365 ngày)** | **Mức lãi suất trung bình 03 Ngân hàng (01 năm bằng 360 ngày)** |
|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) | 5,8% | 6,12% | 6,03% |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) | 6,95% | | |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) | 5,6% | | |

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty V theo Hợp đồng thuê, Công ty Ch chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân anh Trần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy V và Công ty C vào ngày 23-8-2018 và ngày 08-10-2018. Theo đó, trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì anh T, anh Th, anh V và Công ty C cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty V. Quy định này hoàn toàn phù hợp với Điều 335 Bộ luật Dân sự:

"*1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*

*2. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.*"

Từ những luận cứ nêu trên, Công ty Ch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V thanh toán cho Công ty Ch số tiền thuê còn nợ theo 02 Hợp đồng cho thuê tài chính số B180816902 ngày 23-8-2018 và số B180816702 ngày 08-10-2018 tính đến ngày 14-9-2023 gồm các khoản sau:

- Hợp đồng số B180816902: Tổng số nợ là 391.259.579 đồng, trừ tiền ký cược là 127.600.000 đồng, còn nợ là 263.659.579 đồng.

- Hợp đồng số B180816702: Tổng số nợ là 575.098.518 đồng, trừ tiền ký cược là 507.777.215 đồng, còn nợ là 67.321.303 đồng.

Tổng dư nợ sau khi trừ tiền ký cược của 02 Hợp đồng là 330.980.882 đồng.

Trường hợp Công ty V thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên thì buộc anh Trần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy V và Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Ch số tiền mà Công ty V còn nợ theo nội dung các Thư bảo lãnh:

- Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08-10-2018 của anh Trần Văn T.

- Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08-10-2018 của anh Phạm Văn T.

- Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08-10-2018 của anh Đặng Duy V.

- Thư bảo lãnh công ty ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh công ty ngày 08-10-2018 của Công ty C.

Công ty Ch rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Công ty V giao trả tài sản thuê theo các Hợp đồng cho thuê và cũng không yêu cầu xử lý

tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số C180816702-01-MA, số C180816702-02-MA, số C180816702-03-MA ngày 08-10-2018.

* Tại Thông báo không số, không ngày tháng năm 2022, bị đơn Công ty V trình bày:

Căn cứ Hợp đồng B180816702: 517.883.829 đồng (hạn cuối thanh toán ngày 31-3-2022) và Hợp đồng B180816902: 348.162.432 đồng (hạn cuối thanh toán ngày 28-02-2022), Công ty V xin thông báo thời gian trả nợ theo nghĩa vụ hợp đồng nêu trên đến Tòa án và Công ty Ch được biết. Công ty V đã họp Hội đồng thành viên và cử người đại diện là anh Trần Văn T đến làm việc với Tòa và thống nhất phương án hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Ch theo thời gian nêu trên. Xét trong thời gian qua, đại dịch Covid, kinh tế doanh nghiệp toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều bị ảnh hưởng nặng và mất khả năng chi trả. Công ty V rất mong Công ty Ch thông cảm và tạo điều kiện cho Công ty V được hoàn thành nghĩa vụ trả nợ trong thời gian dự kiến nêu trên.

* Tại Thông báo số 34/04-2022/TB-CA ngày 12 tháng 4 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty C trình bày:

Vào ngày 07-4-2022, Công ty C nhận được Giấy triệu tập số 62/GTT và số 64/GTT của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn. Thời gian qua ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tại một số tỉnh, thành phố thực hiện Chỉ thị 16, 16+ của Chính phủ, các doanh nghiệp trên toàn quốc nói chung cũng như Công ty V, Công ty C nói riêng đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động tài chính và thu hồi nợ từ khách hàng, dẫn đến nợ xấu và công nợ quá hạn cho phía bên Công ty Ch. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty V, Công ty C đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền theo đúng hợp đồng với Công ty Ch, số tiền đã thanh toán đến ngày 13-4-2022 làm tròn số là 01 tỷ đồng, số tiền còn lại 500 triệu đồng Công ty sẽ thu xếp thanh toán trong tháng 4-2022. Vì vậy, Công ty đề nghị Tòa án xem xét lại và yêu cầu Công ty Ch hỗ trợ thêm thời gian nêu trên để Công ty hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy V, Công ty T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án cũng không lấy được lời khai của những người này.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 335, Điều 338 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 131 của Luật Các tổ chức tín dụng ;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Ch buộc Công ty V thanh toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo 02 Hợp đồng cho thuê tài chính số B180816902 ngày 23-8-2018 và số B180816702 ngày 08-10-2018 tính đến ngày 14-9-2023 là 330.980.882 đồng và còn phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự cho đến khi hết nợ.

- Trường hợp Công ty V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì anhTrần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy V và Công ty C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Ch về việc buộc Công ty V giao trả tài sản thuê theo các hợp đồng thuê và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số C180816702-01-MA, C180816702-02-MA và C180816702-03-MA ngày 08-10-2018.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Công ty Ch khởi kiện đối với bị đơn Công ty V yêu cầu Công ty V thanh toán cho Công ty Ch số tiền thuê còn nợ theo 02 Hợp đồng cho thuê tài chính số B180816902 ngày 23-8-2018 và số B180816702 ngày 08-10-2018, trường hợp Công ty V thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên thì các bên bảo lãnh là anh Trần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy V và Công ty C có nghĩa vụ thanh toán nợ thay cho Công ty V. Xét Hợp đồng cho thuê tài chính được ký kết giữa 02 doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định vụ án kinh doanh thương mại có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng bảo lãnh", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Công ty Ch (Bên cho thuê) và Công ty V (Bên thuê) có ký kết với nhau 02 Hợp đồng cho thuê tài chính số B180816902 ngày 23-8-2018 và số B180816702 ngày 08-10-2018 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo. Tài sản thuê gồm có: Bảng chỉ báo có gắn đi-ốt phát quang – Led P3-678 x 1536mm, số lượng: 42; Bảng chỉ báo có gắn đi-ốt phát quang – Led P5-960 x 960mm, số lượng: 31; Bảng chỉ báo có gắn đi-ốt phát quang – Led P10-960 x 1920mm, số lượng: 40; Máy in phun UV KTS CR-3200-UV4-PLUS, xuất xứ: China, seri: CR32-1807-049-G5-UV4-PLUS, số lượng: 01. Thời hạn thuê đối với Hợp đồng

số B180816902 là 42 tháng (từ ngày 30-8-2028 đến ngày 15-02-2022, đối với Hợp đồng số B180816702 là 30 tháng (từ ngày 14-12-2018 đến ngày 15-6-2021). Giá trị tài sản thuê đối với Hợp đồng số B180816902 là 1.276.000.000 đồng (đã trả trước 255.200.000 đồng, còn lại 1.020.800.000 đồng), đối với Hợp đồng số B180816702 là 5.077.772.148 đồng (đã trả trước 2.031.108.859 đồng, còn lại 3.046.663.289 đồng). Thời hạn thanh toán và lãi suất thuê theo lịch trình thanh toán tiền thuê (tổng giá trị thuê và lãi thuê) đính kèm theo Thông báo bắt đầu thuê. Đến hạn thanh toán theo lịch trình thanh toán tiền thuê hoặc kết thúc thời hạn thuê mà Bên thuê không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì các khoản vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) chưa thanh toán và toàn bộ vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) còn lại  bị chuyển sang nợ quá hạn. Để bảo đảm cho khoản thuê, Bên thuê đã nộp khoản tiền ký cược đối với Hợp đồng số B180816902 là 127.600.000 đồng, đối với Hợp đồng số B180816702 là 507.777.215 đồng. Ngoài ra, Bên cho thuê còn ký kết các Hợp đồng thế chấp số B180816702-03-MA, số B180816702-02-MA, số B180816702-01-MA cùng ngày 08-10-2018 để nhận thế chấp tài sản với Bên thế chấp là Công ty C, Công ty V, Công ty T, và các Thư bảo lãnh cá nhân cùng ngày 08-10-2018, ngày 23-8-2018, Thư bảo lãnh công ty ngày 23-8-2018 với Bên bảo lãnh là anh Trần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy V, Công ty C để bảo đảm cho khoản thuê tài chính nêu trên. Xét các Hợp đồng cho thuê tài chính, Phụ lục hợp đồng, Hợp đồng thế chấp, Thư bảo lãnh do các bên có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự tự nguyện cam kết, thỏa thuận, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 3, 117, 119, 317, 319, 329, 335, 336, 338, 339, 342, 398, 401, 403, 410 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 112, 113 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07-5-2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, nên có hiệu lực pháp luật.

[3] Quá trình thực hiện các Hợp đồng cho thuê tài chính và Phụ lục hợp đồng nêu trên, Công ty V đã thanh toán tiền thuê nhiều đợt cho Công ty Ch đến ngày 28-5-2022 với tổng số tiền đối với Hợp đồng số B180816902 là 238.510.570 đồng, đối với Hợp đồng số B180816702 là 1.015.554.430 đồng. Tính đến ngày 14-9-2023, tổng số tiền thuê mà Công ty V còn nợ đối với Hợp đồng số B180816902 là 391.259.579 đồng, trừ tiền ký cược còn nợ tiền lãi là 263.659.579 đồng; đối với Hợp đồng số B180816702 là 575.098.518 đồng, trừ tiền ký cược còn nợ tiền lãi là 67.321.303 đồng; tổng dư nợ lãi là 330.980.882 đồng. Do đó, việc Công ty Ch yêu cầu Công ty V có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ 330.980.882 đồng là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận tại các Hợp đồng cho thuê tài chính, Phụ lục hợp đồng và quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07-5-2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

[4] Công ty Ch yêu cầu trường hợp Công ty V thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên thì buộc anh Trần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy

V và Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Ch số tiền mà Công ty V còn nợ theo nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân cùng ngày 08-10-2018, ngày 23-8-2018, Thư bảo lãnh công ty ngày 23-8-2018. Xét yêu cầu này của Công ty Ch là phù hợp với nội dung thỏa thuận tại các Thư bảo lãnh nêu trên và quy định tại Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Công ty Ch tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Công ty V giao trả tài sản thuê theo các Hợp đồng cho thuê tài chính và cũng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số C180816702-01-MA, số C180816702-02-MA, số C180816702-03-MA ngày 08-10-2018. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện đã rút này.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty V phải chịu 16.549.044 đồng; hoàn trả cho Công ty Ch tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 3, 117, 119, 317, 319, 329, 335, 336, 338, 339, 342, 398, 401, 403, 410 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95, 112, 113 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07-5-2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính C.

Buộc Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính C số tiền cho thuê tài chính còn nợ là 330.980.882 (Ba trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Trường hợp Công ty V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên cho Công ty Cho thuê tài chính C thì anh Trần Văn T, anh Phạm Văn T, anh Đặng Duy V, Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính C số tiền thuê (bao gồm cả tiền lãi chậm thanh toán phát sinh) mà Công ty V còn nợ theo nội dung các Thư bảo lãnh:

- Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08-10-2018 của anh Trần Văn T.

- Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08-10-2018 của anh Phạm Văn T.

- Thư bảo lãnh cá nhân ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08-10-2018 của anh Đặng Duy V.

- Thư bảo lãnh công ty ngày 23-8-2018 và Thư bảo lãnh công ty ngày 08-10-2018 của Công ty C.

**3.** Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính C về việc buộc Công ty V giao trả tài sản thuê theo các Hợp đồng cho thuê tài chính và xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số C180816702-01-MA, số C180816702-02-MA, số C180816702-03-MA ngày 08-10-2018 do Công ty Cho thuê tài chính C đã tự nguyện rút yêu cầu này.

**4.** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty V phải chịu 16.549.044 đồng.

- Hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính C tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.495.939 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003299 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**5.** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trần Duyên Anh**